

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

1. Đơn vị có tài sản bán đấu giá: Cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Bình

Địa chỉ: Số 07 đường Cô Tám, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng, giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá

Tài sản là tang vật vi phạm bị tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Bình với mức giá khởi điểm là: **104.542.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm lẻ bốn triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Tên tài sản, số lượng, tình trạng tang vật vi phạm bị tịch thu có bảng kê chi tiết kèm theo.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá

Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm theo đúng tiêu chí quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản, Điều 3 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể:

TT	Nội dung	Mức tối đa
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0

4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (<i>Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án</i>)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0

2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0

IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i>	5,0
1	Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
1	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành đối với tài sản của Cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Bình	5,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	Đủ điều kiện
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	Không đủ điều kiện

4. Số lượng, thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá

- **Số lượng hồ sơ đăng ký tham gia: 01 (một) bộ hồ sơ phải còn niêm phong.**

- **Thời gian nộp hồ sơ:** Trong giờ hành chính, kể từ lúc 07 giờ 30 phút ngày 12/05/2023 đến 16 giờ 30 phút ngày 16/05/2023 (Không nhận hồ sơ qua đường bưu điện).

- **Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký:** Nộp trực tiếp tại Cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Bình; Địa chỉ: Số 07 đường Cô Tám, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- **Điện thoại:** 0232.3.823297

***Lưu ý:**

- Hồ sơ đăng ký thực hiện đấu giá phải được đóng thành quyển và đánh số trang theo thứ tự, có đóng dấu giáp lai của đơn vị.

- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị cử đến và phải còn hiệu lực. Không hoàn trả hồ sơ và thông báo đối với các tổ chức không được lựa chọn.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Bình thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết để đăng ký theo quy định./. *chh*

Nơi nhận:

- Đăng tải trên Công thông tin ĐGTS;
- Đăng tải trên website Cục Quản lý thị trường;
- Niêm yết tại Trụ sở Cục Quản lý thị trường;
- Lưu: VT, KT.



CỤC TRƯỞNG

Vũ Quang Thắng



BẢNG KÊ CHI TIẾT

(Kèm theo Thông báo số: 504/TB-QLTTQB ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Cục QLTT tỉnh Quảng Bình)

STT	Quyết định xử phạt VPHC		Tên sản phẩm	Chủng loại, nhãn hiệu	Nguồn gốc, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Thành tiền	Chất lượng hàng hóa
	Số	Ngày tháng							
I	31000010/QĐ-XPHC	20/02/2023							
1			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu HONDA, số loại NSR RC Valve 150SP, dung tích xi lanh 150cm ³ , màu sơn đỏ-trắng, số khung: NS150P-0012990, số máy: NS150PE-0012990	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	7.000.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
2			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm ³ , màu sơn đỏ-đen, số khung: KE1-029491, số máy: E101E029491	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	5.500.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
3			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm ³ , màu sơn vàng-đen, số khung: PMYKE0600E0142989, số máy: E101EK142989	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	5.500.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
4			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm ³ , màu sơn vàng-đen, số khung: PMYKE0600H0207196, số máy: E101EK207196	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	5.500.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
5			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm ³ , màu sơn đen, số khung: PMYKE0600H0198378, số máy: E101EK198378	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	4.500.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
6			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm ³ , màu sơn vàng-đen, số khung: PMYKE0600H0197790, số máy: E101EK197790	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	4.500.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật

STT	Quyết định xử phạt VPHC		Tên sản phẩm	Chủng loại, nhãn hiệu	Nguồn gốc, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Thành tiền	Chất lượng hàng hóa
	Số	Ngày tháng							
7			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm ³ , màu sơn đen, số khung: PMYKE0600G0181618, số máy: E101EK181618	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	4.500.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
8			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm ³ , màu sơn vàng-đen, số khung: PMYKE0600H0188636, số máy: E101EK188636	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	4.500.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
9			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm ³ , màu sơn vàng-đen, số khung: PMYKE0600F0158774, số máy: E101EK158774	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	5.500.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
10			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm ³ , màu sơn đen, số khung: PMYKE060050030898, số máy: E101EK030898	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	4.500.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
11			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm ³ , màu sơn xanh, số khung: PMYKE0600E0145258, số máy: E101EK145258	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	5.000.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
12			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm ³ , màu sơn xanh, số khung: PMYKE060080054876, số máy: E101EK054876	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	5.000.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật

STT	Quyết định xử phạt VPHC		Tên sản phẩm	Chủng loại, nhãn hiệu	Nguồn gốc, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Thành tiền	Chất lượng hàng hóa
	Số	Ngày tháng							
13			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm3, màu sơn đỏ, số khung: PMYKE0600E0131396, số máy: E101EK131396	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	4.000.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
14			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm3, màu sơn đỏ, số khung: PMYKE0600H0193364, số máy: E101EK193364	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	4.000.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
15			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm3, màu sơn đen, số khung: PMYKE0600E0133403, số máy: E101EK133403	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	4.000.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
16			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm3, màu sơn vàng- đen, số khung: PMYKE0600F0157277, số máy: E101EK157277	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	4.000.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
17			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm3, màu sơn vàng- đen, số khung: PMYKE0600G0180792, số máy: E101EK180792	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	4.000.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
18			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu HONDA, số loại Nova, dung tích xi lanh 125cm3, màu sơn đỏ-trắng, số khung: NZ125TS-0038286, số máy: NZ125TSE-0038286	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	3.500.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
19			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm3, màu sơn đen- trắng, số khung: PMYKE0600F0160217, số máy: E101EK160217	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	3.598.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật

STT	Quyết định xử phạt VPHC		Tên sản phẩm	Chủng loại, nhãn hiệu	Nguồn gốc, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Thành tiền	Chất lượng hàng hóa
	Số	Ngày tháng							
20			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm ³ , màu sơn đỏ-đen, số khung: PMYKE0600H0207126, số máy: E101EK207126	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	3.598.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
21			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu SUZUKI, số loại Satria, dung tích xi lanh 109cm ³ , màu sơn đỏ-trắng, số khung: MH8BF13BL6J 855509, số máy: F125 - ID852229	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	2.791.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
22			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm ³ , màu sơn đen-trắng, số khung: PMYKE0600H0204736, số máy: E101EK204736	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	3.196.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
23			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu YAMAHA, số loại 125ZR, dung tích xi lanh 125cm ³ , màu sơn vàng, số khung: PMYKE0600E0128628, số máy: E101EK128628	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	4.526.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
24			Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu HONDA, số loại Nova, dung tích xi lanh 125cm ³ , màu sơn đen, số khung: NZ125T-0000387, số máy: NZ125TE-0000387	Không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Chiếc	1	1.833.000	Nguyên chiếc; đã qua sử dụng; cùng thông số kỹ thuật
TỔNG CỘNG							24	104.542.000	

Bảng chi: Một trăm linh bốn triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng